

ADVANTAGES AND DISADVANTAGES IN ONLINE LEARNING FOR STUDENTS OF CAN THO UNIVERSITY

Nguyen Thi Bich Phuong*, Tran Luong

Can Tho University

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	27/9/2023	Learning is the process of absorbing knowledge into the mind. Learning can be organized in many different forms. Online learning is one of the popular forms of learning today. Each form of learning has advantages and limitations. What advantages and difficulties do students of Can Tho University have during the online learning process? This study uses questionnaires and surveys via Google Forms to answer such question. Research results were processed using SPSS 16.0 software. Research results show that students highly appreciate the advantages of online learning (mean = 3.71; Std. Deviation = 0.771) as online learning helps students easily and learning content record, saves learning costs, and makes it easy for learners to organize presentations. However, students also have learning difficulty in organizing online learning activities and using online learning software and equipment (Mean = 2.72; standard score = 0.697). In particular, students encounter difficulties related to organizing online learning activities (Mean = 2.99; Std. Deviation = 0.757) higher than difficulties in using online learning software and equipment (Mean=2.44; Std. Deviation=0.860). From the research results, Can Tho University refers to serve policies in organizing training methods at the school.
Revised:	20/12/2023	
Published:	20/12/2023	
KEYWORDS		
Online learning		
learning Difficulty		
Difficulties in online learning		
Student		
Can Tho University		

THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN TRONG HỌC TẬP TRỰC TUYẾN CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Nguyễn Thị Bích Phượng*, Trần Lương

Trường Đại học Cần Thơ

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	27/9/2023	Học tập là quá trình thu nhận tri thức vào trong tâm trí. Học tập có thể tổ chức bằng nhiều hình thức khác nhau. Học tập trực tuyến là một trong những hình thức học phổ biến hiện nay. Mỗi hình thức học tập đều có những ưu điểm và hạn chế. Sinh viên Trường Đại học Cần Thơ gặp những thuận lợi và khó khăn nào trong quá trình học tập trực tuyến. Nghiên cứu này sử dụng bảng hỏi và khảo sát qua hình Google form để tìm câu trả lời. Kết quả nghiên cứu được xử lý số liệu bằng phần mềm SPSS 16.0. Kết quả nghiên cứu cho thấy sinh viên đánh giá khá cao những thuận lợi của hình thức học tập trực tuyến (ĐTB=3,71; ĐLC=0,771) như học trực tuyến giúp sinh viên dễ ghi âm, ghi hình nội dung học tập, tiết kiệm chi phí học tập và người học dễ dàng trong tổ chức thuyết trình. Tuy nhiên sinh viên cũng gặp khó khăn trong tổ chức hoạt động học tập trực tuyến và khó khăn trong sử dụng phần mềm, thiết bị học tập trực tuyến (ĐTB= 2,72; ĐLC= 0,697). Trong đó, sinh viên gặp khó khăn liên quan đến tổ chức hoạt động học tập trực tuyến (ĐTB= 2,99; ĐLC= 0,757) cao hơn so với gặp những khó khăn trong sử dụng phần mềm, thiết bị học tập trực tuyến (2,44; ĐLC=0,860). Từ kết quả nghiên cứu cho thấy, Trường Đại học Cần Thơ tham khảo kết quả nghiên cứu này nhằm phục vụ cho những chính sách trong tổ chức các phương thức đào tạo tại trường.
Ngày hoàn thiện:	20/12/2023	
Ngày đăng:	20/12/2023	
TỪ KHÓA		
Học tập trực tuyến		
Khó khăn trong học tập		
Khó khăn trong học tập trực tuyến		
Sinh viên		
Đại học Cần Thơ		

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.8849>

* Corresponding author. Email: ntbphuong@ctu.edu.vn

1. Giới thiệu

Khoa học công nghệ phát triển, chương trình đào tạo trực tuyến trở nên phổ biến. Quá trình học tập không bị giới hạn bởi không gian nhất định trong phòng học. Hoạt động học tập có thể thực hiện bằng nhiều hình thức khác nhau: học tập bằng hình thức trực tiếp mặt đối mặt hoặc học tập bằng hình thức trực tuyến. Với hình thức học tập trực tuyến thì việc triển khai có diễn ra ở bất kỳ nơi đâu dựa vào phần mềm hỗ trợ dạy và học. Tổ chức dạy và học tập trực tuyến ở Việt Nam là một trong những giải pháp tốt nhất trong giai đoạn Đại dịch COVID – 19, tuy nhiên, nhờ tính ưu việt linh hoạt của hình thức đào tạo trực tuyến Bộ Giáo dục và Đào tạo đã khuyến khích cho phép các trường đại học có thể triển khai hình thức đào tạo này. Điều này được thể hiện trong quy định tại khoản 2 điều 8 Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT Quy chế đào tạo đại học ban hành ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ rõ *“Cơ sở đào tạo được tổ chức các lớp học phương thức trực tuyến khi đáp ứng các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng”*. Về cơ sở lý luận hoạt động học tập là quá trình lĩnh hội chuyên hóa tri thức nghề nghiệp vào trong tâm trí người học. Hoạt động học tập là một trong những hoạt động chủ đạo của lứa tuổi sinh viên (SV). Thông qua hoạt động chủ đạo các phẩm chất năng lực, kỹ năng nghề nghiệp được hình thành, bồi dưỡng và phát triển. Những phẩm chất năng lực là không có sẵn vì vậy để hình thành các giá trị trong nhân cách nghề nghiệp đòi hỏi SV cần có sự nỗ lực ý chí. Những khó khăn trong quá trình học nghề là một tất yếu trong quy luật tâm lý. Jessie S. Barrot, Ian I. Llenares, Leo S. del Rosario¹ (2021) chỉ ra thách thức lớn nhất trong học tập trực tuyến của sinh viên là trình độ và năng lực công nghệ của người học [1]. Theo Peter Westwood (2004) [2] những khó khăn trong học tập của người học có thể xuất phát từ nhiều nguyên nhân như phương pháp giảng dạy, giáo trình, môi trường lớp học, khó khăn kinh tế, mối quan hệ sư phạm, ít tham gia lớp học, tình trạng sức khỏe người học, học qua phương tiện ngôn ngữ thứ hai, thiếu tự tin, các vấn đề liên quan đến cảm xúc và hành vi, đặc điểm trí tuệ, suy giảm các giác quan, khó khăn trong xử lý thông tin, khả năng tri giác không gian kém, thính lực, trí nhớ kém. Hình thức học tập trực tuyến là một trong những hình thức học tập còn mới đối với sinh viên, vì vậy việc tìm hiểu những khó khăn trong học tập trực tuyến của sinh viên giúp trường có những biện pháp hỗ trợ kịp thời góp phần nâng cao chất lượng đào tạo tại đơn vị.

Về cơ sở thực tiễn, hiện nay hầu hết các trường đại học đang phải tiến hành tổ chức dạy và học bằng hình thức trực tuyến. Thông qua hình thức học tập này tuy có thể giải quyết những vấn đề hiện tại trong công tác đào tạo nhưng quá trình lĩnh hội tri thức, kỹ năng nghề nghiệp có những hạn chế nhất định. Bằng chứng là, sinh viên H.V. Ng chia sẻ *“đâu phải lúc nào sóng wifi cũng mạnh nên có khi bị lắt mạng em không nghe thầy cô giảng bài được”*. SV M. Th. T. H chia sẻ *“việc tương tác với thầy cô tuy có các phần mềm hỗ trợ nhưng làm sao tương tác tốt bằng khi gặp trực tiếp mặt đối mặt”*.

Các nghiên cứu về những thuận lợi trong học tập trực tuyến có Indira Dhull, Sakshi (2017) [3] chỉ ra những thuận lợi của học tập trực tuyến bao gồm: khả năng tiếp cận; cá nhân hóa việc học tập; phát triển khả năng nhận thức; tiết kiệm chi phí; thúc đẩy người học nghiên cứu; chỉ cần có máy tính; bình đẳng về cơ hội học tập; người học có thể tự điều chỉnh nhịp độ học tập của bản thân, học tập mang tính toàn cầu.

Học tập trực tuyến có nhiều thuận lợi nhằm đáp ứng nhu cầu học tập cho số sinh viên không thể hoặc không muốn tham gia vào các môi trường lớp học trực tiếp. Mặt khác, người học ở xa các cơ sở giáo dục nhưng có nhu cầu tham gia học tập vẫn có thể học mà không cần di chuyển khỏi vùng địa lý. Người học chỉ cần đảm bảo có máy tính kết nối Internet và được cấp quyền truy cập vào các lớp học trực tuyến. Kế thừa có chọn lọc và căn cứ vào thực tiễn trường đại học Cần Thơ, nghiên cứu này tìm hiểu thuận lợi trong học tập trực tuyến tại Trường Đại học Cần Thơ giới hạn ở một số nội dung sau: Sử dụng được thời gian học tập tối đa; Sinh viên tiếp cận nội dung học tập hiệu quả; Tiện lợi trong việc tham gia lớp học (truy cập đăng nhập); Tiết kiệm chi phí học tập; Giảng viên và SV dễ tương tác trong trao đổi tri thức ở khoảng cách xa; SV dễ theo dõi bài

giảng của giảng viên; SV dễ ghi âm, ghi hình nội dung học tập; SV dễ tương tác, trình bày ý kiến thông qua nhắn tin vào khung chat; SV nhận được mức độ hỗ trợ khi cần; Người học dễ dàng trình bày báo cáo, chia sẻ màn hình.

Đặng Thị Thúy Hiền và các cộng sự (2020) [4] chỉ ra 4 rào cản trong học tập trực tuyến như: rào cản kinh tế, rào cản về sự tương tác, rào cản tâm lý và rào cản về môi trường. Còn Đinh Thanh Xuân (2020) [5] chỉ ra những ưu điểm và hạn chế của hình thức dạy học trực tuyến như cách học, vai trò của người học cần chủ động của quá trình đào tạo, có thể học mọi lúc, mọi nơi nhờ có phương tiện trợ giúp việc học. Phan Thị Ngọc Thanh và các cộng sự (2020) chỉ ra 8 loại khó khăn SV thường gặp nhất khi tham gia học tập trực tuyến: (1) Vấn đề Internet; (2) Sử dụng hệ thống tiếp nhận thông tin; (3) Không nắm được nội dung môn học; (4) Khó khăn liên quan đến phương pháp giảng dạy, đánh giá; (5) Khó khăn liên quan đến nội dung bài giảng; (6) Khó khăn liên quan đến giải quyết bài tập, deadline, lượng kiến thức quá nhiều; (7) Âm thanh kết nối không tốt; (8) Khó khăn trong chuẩn bị thiết bị kết nối [6]. Nguyễn Sỹ Nam và cộng sự (2022) [7] tổng quan các nghiên cứu về khó khăn và thách thức đối với kiểm tra trực tuyến trong đại dịch Covid-19 như: (1) Việc trang bị các thiết bị kỹ thuật số để phục vụ kiểm tra trực tuyến; (2) Khả năng tiếp cận với mạng Internet của người học với những gia đình có thu nhập thấp. Trần Thị Phương và cộng sự (2022) quan tâm nghiên cứu quan điểm nhận thức của SV về tính hữu ích của hình thức thi trực tuyến về các mặt: tính sự phạm, độ chuẩn xác, độ tin cậy, yếu tố cảm xúc, tính thực tế, và tính bảo mật. Kết quả nghiên cứu cho thấy, các bài thi trực tuyến có lợi thế lớn so với bài thi giấy truyền thống về sự phù hợp, giám căng thẳng, lo lắng thi cử, độ chính xác về chấm điểm, giảm thời gian, công sức, di chuyển, chi phí, và có tính bảo mật cao. Mặt khác, việc triển khai sử dụng bài thi trực tuyến cũng đối mặt với một số vấn đề liên quan đến việc đưa ra phản hồi tức thời, gian lận và đạo văn. Kết quả nghiên cứu này cũng đã chỉ ra rằng, bài thi trực tuyến có thể được triển khai thành công bằng việc cung cấp phản hồi tức thời, chi tiết; đảm bảo tính bảo mật, và thiết kế ngân hàng câu hỏi có độ chuẩn xác cao. Bên cạnh đó, việc cung cấp những sự trợ giúp cho người học trong việc triển khai đánh giá trực tuyến cũng rất cần thiết [8].

Tóm lại, học tập trực tuyến đòi hỏi người học phải có thiết bị công nghệ có kết nối Internet và vị trí, không gian học tập linh hoạt. Để tham gia học tập bằng hình thức này đòi hỏi người học cần có trình độ tin học nhất định, biết sắp xếp thời gian học tập hợp lý và khả năng làm chủ bản thân để tránh những sao nhãng ảnh hưởng đến mức độ tập trung chú ý vào giờ học. Kế thừa có chọn lọc kết quả nghiên cứu về những khó khăn trong học tập trực tuyến của các tác giả, nghiên cứu này tập trung hai nhóm khó khăn trong học tập của SV Trường Đại học Cần Thơ: những khó khăn trong học tập trực tuyến của sinh viên liên quan đến tổ chức hoạt động học tập trực tuyến và những khó khăn trong học tập trực tuyến của sinh viên liên quan đến sử dụng phần mềm học tập trực tuyến.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Mục đích khảo sát

Khảo sát thực trạng thuận lợi và khó khăn trong học tập trực tuyến của SV Trường Đại học Cần Thơ để có những cứ liệu khách quan về những khó khăn trong học tập trực tuyến của SV. Trên cơ sở đó có thể đề xuất các biện pháp hỗ trợ SV học tập trực tuyến hiệu quả.

2.2. Khách thể khảo sát

Khách thể nghiên cứu 909 SV chính quy ở tất cả các khối ngành và các đơn vị các khoa đào tạo. Trong đó có 46,8% SV nam (425/909) và 53,2% SV nữ (484/909). Sinh viên năm thứ nhất chiếm tỉ lệ 61,1% (555/909); SV năm thứ 2 chiếm tỉ lệ 28,2% (256/909); SV năm thứ 3 chiếm tỉ lệ 7,8% (71/909); SV năm thứ tư 3,0% (27/909). SV có kết quả học tập xuất sắc chiếm tỉ lệ 11,1% (101/909); kết quả học tập giỏi 33% (300/909); kết quả học tập khá chiếm tỉ lệ 47%

(427/909); SV có kết quả học tập trung bình chiếm tỉ lệ 8,6% (78/909) và SV có kết quả học tập yếu và kém là 0,3% (3/909). Kết quả học tập của sinh viên năm học 2021 – 2022 gồm: xuất sắc (101/909) chiếm 11,1% SV; giỏi (300/909) chiếm 33% SV; khá (427/909) chiếm 47% SV; trung bình (78/909) chiếm 8,6% SV; dưới trung bình (3/909) chiếm 0,3% SV.

2.3. Nội dung khảo sát và phương pháp xử lý số liệu

Nội dung khảo sát bao gồm những thuận lợi và khó khăn trong học tập trực tuyến. Số liệu thu thập được xử lý bằng phần mềm SPSS với các phép tính Cronbach's Alpha, frequencies (tần số), mean (điểm trung bình), Std.Deviation (độ lệch chuẩn), correlate (tương quan), phân tích phương sai ANOVA. Tính độ tin cậy thang đo Cronbach's Alpha "*Thuận lợi trong học tập trực tuyến*" ($\alpha=0,925$) và "*Những khó khăn trong học tập trực tuyến của sinh viên liên quan đến tổ chức hoạt động học tập và những khó khăn liên quan đến kỹ năng sử dụng thiết bị học trực tuyến*" ($\alpha=0,946$). Dữ liệu thu thập của các thang đo Cronbach's Alpha $> 0,9$. Vì vậy số liệu thu thập được có đủ cơ sở đảm bảo độ tin cậy để phân tích dữ liệu.

Công cụ khảo sát bằng hỏi, phiếu điều tra được thiết kế theo thang Likert 5 bậc, tương ứng với 5 mức độ, từ 1 đến 5 (1=hoàn toàn không đồng ý/hoàn toàn không khó khăn; 2=ít đồng ý/ít gặp khó khăn; 3= phân vân/khó khăn mức trung bình; 4= khá đồng ý/khá khó khăn; 5= hoàn toàn đồng ý/hoàn toàn khó khăn (rất khó khăn). Các phép thống kê được sử dụng bao gồm điểm trung bình (mean); độ lệch chuẩn (Standard Deviation) và khác biệt Anova của mỗi trường nghiên cứu. Điểm trung bình (ĐTB) được tính dựa vào thang đo Likert với giá trị khoảng được tính = (Maximum - Minimum)/n= (5-1)/5=0,8.

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Thuận lợi trong học tập trực tuyến của sinh viên Trường Đại học Cần Thơ

Học tập trực tuyến là một trong những hình thức học tập đòi hỏi phải có sự hỗ trợ của máy tính và Internet. Bảng 1 trình bày đánh giá của 909 SV Trường Đại học Cần Thơ về thuận lợi của hình thức học tập trực tuyến.

Bảng 1. Đánh giá của SV về thuận lợi trong học tập trực tuyến

Thuận lợi học tập trực tuyến	(%)					ĐTB	ĐLC	Thứ hạng
	1	2	3	4	5			
1. Sử dụng được thời gian học tập tối đa	2,2 (20)	8,0 (73)	34,7 (315)	32,7 (297)	22,4 (204)	3,65	0,985	6
2. Sinh viên tiếp cận nội dung học tập hiệu quả	3,0 (27)	15,4 (140)	42,7 (388)	25,6 (233)	13,3 (121)	3,31	0,983	9
3. Tiện lợi trong việc tham gia lớp học (truy cập đăng nhập)	1,8 (16)	4,5 (41)	27,3 (248)	38,8 (344)	28,6 (260)	3,87	0,939	4
4. Tiết kiệm chi phí học tập	2,8 (25)	5,1 (46)	19,4 (176)	31,1 (283)	41,7 (379)	4,04	1,030	2
5. Giảng viên và SV dễ tương tác trong trao đổi tri thức	5,7 (52)	16,4 (149)	36,4 (331)	25,1 (228)	16,4 (149)	3,30	1,100	10
6. SV dễ theo dõi bài giảng của giảng viên	4,0 (36)	12,3 (112)	31,6 (287)	30,3 (275)	21,9 (199)	3,54	1,082	8
7. SV dễ ghi âm, ghi hình nội dung học tập	2,2 (20)	3,1 (28)	17,2 (156)	38,4 (349)	39,2 (356)	4,09	0,936	1
8. SV dễ tương tác, trình bày ý kiến thông qua nhắn tin vào khung chat	2,6 (24)	6,1 (55)	29,8 (271)	34,2 (311)	27,3 (248)	3,77	1,000	5
9. SV nhận được mức độ hỗ trợ khi cần	2,8 (25)	8,4 (76)	38,3 (348)	32,7 (297)	17,9 (163)	3,55	0,969	7
10. Người học dễ dàng trình bày báo cáo, chia sẻ màn hình	1,9 (17)	4,0 (36)	24,4 (222)	37,8 (344)	31,9 (290)	3,94	0,942	3
Tổng cộng						3,71	0,771	

Nhìn vào kết quả bảng 1 cho thấy, SV “đồng ý” ở mức tương đối cao về các lợi ích của hình thức học tập trực tuyến (ĐTB=3,71). SV “hoàn toàn đồng ý” về các lợi ích của hình thức học tập trực tuyến chiếm tỉ lệ trong khoảng từ 13,3% đến 41,7%. Trong đó mức độ “hoàn toàn đồng ý” về lợi ích của hình thức học tập trực tuyến có thể “tiết kiệm chi phí học tập” chiếm tỉ lệ là 41,7% và học tập trực tuyến giúp sinh viên “dễ ghi âm, ghi hình nội dung học tập” chiếm tỉ lệ là 39,2%. Ngoài ra, thì hình thức học tập này cũng mang lại “tiện lợi trong việc tham gia lớp học” cũng được đa số sinh viên “đồng ý” ở mức cao chiếm tỉ lệ là 38,8%. Bảng 1 cũng cho thấy tỉ lệ SV vẫn còn “phân vân” với các lợi ích của hình thức học tập trực tuyến chiếm tỉ lệ khá cao nằm trong khoảng 17,2% đến 42,7%. Trong đó, SV “phân vân” liệu hình thức học tập này có giúp “sinh viên tiếp cận nội dung học tập hiệu quả” (42,7%) và có thực sự rằng “SV nhận được mức độ hỗ trợ khi cần” (38,3%) hay không. Bên cạnh những ý kiến “đồng ý” và “phân vân” với các lợi ích của hình thức học tập trực tuyến thì vẫn còn số lượng đáng kể SV “hoàn toàn không đồng ý” hoặc “ít đồng ý” về các lợi ích của hình thức học tập trực tuyến chiếm tỉ lệ 1,8% đến 16,4%.

Những thuận lợi trong học tập trực tuyến của SV Trường Đại học Cần Thơ có sự tương đồng với nghiên cứu của Indira Dhull, Sakshi (2017) [3] (khả năng tiếp cận; cá nhân hóa việc học tập; phát triển khả năng nhận thức; tiết kiệm chi phí; thúc đẩy người học nghiên cứu; chỉ cần có máy tính; bình đẳng về cơ hội học tập; người học có thể tự điều chỉnh nhịp độ học tập của bản thân, học tập mang tính toàn cầu) và nghiên cứu của Đinh Thanh Xuân (2020) [5]. Với hình thức học tập trực tuyến người học có thể học mọi lúc, mọi nơi nhờ có phương tiện trợ giúp việc học.

Tóm lại, kết quả khảo sát ý kiến của SV về các lợi ích của hình thức học tập này cho thấy, khá nhiều SV “đồng ý” học tập trực tuyến có những thuận lợi như: tiết kiệm chi phí học tập; SV dễ ghi âm, ghi hình nội dung học tập; người học dễ dàng trình bày báo cáo, chia sẻ màn hình. Bên cạnh đó, số lượng SV “phân vân” liệu rằng với hình thức học tập này có thực sự mang lại lợi ích trong học tập như: giảng viên và SV dễ tương tác trong trao đổi tri thức ở khoảng cách xa; SV nhận được mức độ hỗ trợ khi cần và số lượng ít SV vẫn “hoàn toàn không đồng ý” hoặc “ít đồng ý” với các lợi ích của hình thức học tập trực tuyến như trình bày tại bảng 3.

3.2. Những khó khăn trong học tập trực tuyến của sinh viên Trường Đại học Cần Thơ

Bản chất của học tập là lĩnh hội tri thức, phẩm chất và kỹ năng tương ứng với hệ thống tri thức. Học tập có thể diễn ra bằng nhiều hình thức khác nhau tùy vào cách tiếp cận. Học tập có thể tổ chức theo phương thức trực tiếp mặt đối mặt hoặc có thể tổ chức theo phương thức gián tiếp thông qua sách vở, thiết bị công nghệ. Bảng 2 trình bày kết quả thống kê định lượng những khó khăn trong học tập trực tuyến của SV Trường Đại học Cần Thơ liên quan đến tổ chức hoạt động học tập trực tuyến.

Bảng 2. Khó khăn trong tổ chức hoạt động học tập trực tuyến

Các khó khăn trong học tập liên quan đến tổ chức hoạt động học tập	Mức độ khó khăn (%)					ĐTB	ĐLC	Thứ hạng
	1	2	3	4	5			
1. Lập kế hoạch học tập trực tuyến	8,1 (74)	31,2 (284)	44,2 (402)	13,5 (123)	2,9 (26)	2,72	0,899	11
2. Xác định nội dung học tập liên quan đến việc học trực tuyến	5,8 (53)	22,1 (201)	46,8 (425)	19,4 (176)	5,9 (54)	2,97	0,941	6
3. Kỹ năng tham gia học tập trực tuyến	5,2 (47)	19,6 (178)	44 (400)	22,7 (206)	8,6 (78)	3,09	0,981	2
4. Khó khăn trong việc tiếp nhận thông tin hướng dẫn của giảng viên trong lựa chọn tài liệu học tập	6,1 (55)	20,1 (183)	42,9 (390)	23,4 (213)	7,5 (68)	3,06	0,987	3
5. Tham gia xây dựng bài học trên lớp	7,7 (70)	21,1 (192)	44,8 (407)	20,2 (184)	6,2 (56)	2,96	0,983	7
6. Trong nghiên cứu đề cương học phần	6,7 (61)	22,3 (203)	43,8 (398)	21,5 (195)	5,7 (52)	2,97	0,967	6
7. Trong xử lý thông tin để giải quyết nhiệm vụ học tập	7,0 (64)	22 (200)	46 (418)	19,4 (176)	5,6 (51)	2,94	0,958	9

Các khó khăn trong học tập liên quan đến tổ chức hoạt động học tập	Mức độ khó khăn (%)					ĐTB	ĐLC	Thứ hạng
	1	2	3	4	5			
8. Trong phân phối thời gian giải quyết nhiệm vụ học tập trực tuyến giữa các môn học	8,5 (77)	25,4 (231)	43,9 (399)	16,9 (154)	5,3 (48)	2,85	0,976	10
9. Tập trung cao độ để nghe giảng liên tục bằng hình thức học trực tuyến	5,8 (53)	14,2 (129)	39,8 (362)	25,1 (228)	15,1 (137)	3,29	1,069	1
10. Trao đổi phương pháp học tập trực tuyến từ bạn bè	7,2 (65)	20,6 (187)	43,1 (392)	20,9 (190)	8,3 (75)	3,03	1,016	4
11. Trong phản hồi với giảng viên trong học tập trực tuyến	6,5 (59)	21 (191)	47,9 (435)	18,6 (169)	6,1 (55)	2,97	0,947	6
12. Tương tác/thắc mắc cùng bạn bè, thầy cô những vấn đề chưa hiểu	8,1 (74)	21,3 (194)	44,4 (404)	19,6 (178)	6,5 (59)	2,95	0,997	8
13. Hợp tác với bạn bè để giải quyết nhiệm vụ học tập trong nhóm	7,8 (71)	22,4 (204)	41,8 (380)	20,2 (184)	7,7 (70)	2,98	1,024	5
14. Khó khăn trong tìm kiếm sự trợ giúp khi gặp vấn đề về kỹ thuật công nghệ	7,2 (65)	18 (164)	43,8 (398)	21,1 (192)	9,9 (90)	3,09	1,033	2
Tổng cộng						2,99	0,757	

Nhìn vào số liệu thống kê tại bảng 2 cho thấy SV gặp khó khăn ở mức trên trung bình (ĐTB=2,99). Các khó khăn của SV trong học tập trực tuyến gặp phải nhiều nhất là khó khăn trong “tập trung cao độ để nghe giảng liên tục bằng hình thức học trực tuyến” (ĐTB=3,29); khó khăn trong thực hiện các “kỹ năng tham gia học tập trực tuyến” (ĐTB=3,09); “Khó khăn trong việc tiếp nhận thông tin hướng dẫn của giảng viên trong lựa chọn tài liệu học tập” (ĐTB=3,06); khó khăn trong “trao đổi phương pháp học tập trực tuyến từ bạn bè” (ĐTB=3,03); khó khăn trong “hợp tác với bạn bè để giải quyết nhiệm vụ học tập trong nhóm” (ĐTB=2,98).

Cũng từ bảng 2 cho thấy, hầu hết SV đều gặp khó khăn trong tổ chức hoạt động học tập bằng hình thức học trực tuyến. Có một số lượng nhỏ SV “hoàn toàn không có khó khăn” trong tổ chức hoạt động học tập trực tuyến chiếm tỉ lệ rất ít (8,1% đến 5,8%) ở tất cả các nội dung. Xét theo điểm trung bình thì số lượng SV hoàn toàn không gặp khó khăn trong học tập trực tuyến không đáng kể. Các nội dung tập trung ở các khó khăn trong “lập kế hoạch học tập trực tuyến” (8,1%); khó khăn trong “phân phối thời gian giải quyết nhiệm vụ học tập trực tuyến giữa các môn học” (8,5%) và khó khăn “trong xử lý thông tin để giải quyết nhiệm vụ học tập” (7%). Tính theo điểm trung bình chung thì con số SV “ít gặp khó khăn” trong tổ chức hoạt động học tập bằng hình thức học trực tuyến hầu như không có. Tuy nhiên, nếu tính toán theo tỉ lệ phần trăm thì số lượng SV “ít gặp khó khăn” trong học tập trực tuyến chiếm tỉ lệ đáng kể từ 14,2% đến 31,2%.

Xét theo điểm trung bình chung thì hầu hết SV đều gặp khó khăn trong tổ chức hoạt động học tập trực tuyến ở mức trung bình trong đó, SV gặp khó khăn nhiều ở các nội dung chiếm tỉ lệ từ 39,8% đến 47,9%. Trong đó mức độ khó khăn tính theo điểm trung bình ở mức cao là khó khăn trong “tập trung cao độ để nghe giảng liên tục bằng hình thức học trực tuyến” (ĐTB=3,29) gặp khó khăn “kỹ năng tham gia học tập trực tuyến” (ĐTB=3,09); khó khăn “trong việc tiếp nhận thông tin hướng dẫn của giảng viên trong lựa chọn tài liệu học tập” (ĐTB=3,06); “trao đổi phương pháp học tập trực tuyến từ bạn bè” (ĐTB=3,03) và khó khăn trong “hợp tác với bạn bè để giải quyết nhiệm vụ học tập trong nhóm” (ĐTB=2,98). Trong số 909 mẫu quan sát thì có từ 123/909 đến 228/909 SV gặp khá nhiều khó khăn trong tổ chức hoạt động học tập trực tuyến chiếm tỉ lệ là 13,5% đến 25,1%. Trường Đại học Cần Thơ không thể bỏ qua số lượng SV gặp khá nhiều khó khăn với hình thức học trực tuyến. Bởi vì giáo dục là tác động hiệu quả đến từng SV. Mỗi SV đều có vai trò đóng góp cho nguồn nhân lực trong tương lai vì vậy trong quá trình được đào tạo, SV cần lĩnh hội đầy đủ lượng tri thức đáp ứng học phần và chương trình đào tạo. Những khó khăn của SV cần được trợ giúp kịp thời giúp SV vượt những khó khăn trong học tập bằng bất kỳ hình thức nào. Có từ 2,9% đến 15,1% SV gặp rất nhiều khó khăn và cần được hỗ trợ nhiều trong học tập trực tuyến. Một trong những vấn đề SV gặp phải là khó khăn trong “tập trung cao độ để

nghe giảng liên tục bằng hình thức học trực tuyến” (15,1%) và khó khăn “trong tìm kiếm sự trợ giúp khi gặp vấn đề về kỹ thuật công nghệ” (9,9%).

Học tập trực tuyến là hình thức học tập có sự hỗ trợ của các thiết bị công nghệ có kết nối Internet. Dù học tập diễn ra theo hình thức nào thì người học cũng phải chủ động trong tổ chức hoạt động học tập của bản thân. SV cần thể hiện tính chủ động trong hoạt động học tập, lựa chọn được phương pháp học tập phù hợp đồng thời SV chủ động khắc phục khó khăn trong hoạt động học tập. Học tập trực tuyến cần sử dụng phần mềm hỗ trợ học tập vì vậy nếu SV chưa quen với hình thức học tập này hoặc trình độ tin học cũng là thể là một trong những lý do ảnh hưởng đến kết quả học tập của SV. Bảng 3 trình bày những khó khăn trong sử dụng thiết bị học tập trực tuyến.

Bảng 3. Khó khăn trong học tập trực tuyến của SV liên quan sử dụng thiết bị học tập trực tuyến

Khó khăn của SV liên quan sử dụng thiết bị học tập trực tuyến	Mức độ khó khăn					ĐTB	ĐLC	Thứ hạng
	1	2	3	4	5			
1. Khó khăn trong đăng nhập địa chỉ lớp học	22,4 (204)	36,9 (335)	30,1 (274)	8,9 (81)	1,7 (15)	2,30	0,969	7
2. Khó khăn trong tham dự lớp học đúng giờ	30,3 (275)	37,3 (339)	23,7 (215)	7,7 (70)	1,1 (10)	2,12	0,966	8
3. Khó khăn trong lưu lại nội dung học tập	18,8 (171)	27,5 (250)	34,4 (313)	15,1 (137)	4,2 (38)	2,58	1,083	2
4. Khó khăn trong tắt mở âm thanh tương tác	33,8 (307)	33,8 (307)	23,1 (210)	7,3 (66)	2,1 (19)	2,10	1,019	9
5. Khó khăn trong chuẩn bị không gian yên tĩnh tham gia lớp học	20,7 (188)	31 (282)	27,3 (248)	14,9 (135)	6,2 (56)	2,55	1,153	3
6. Khó khăn trong trình chiếu màn hình báo cáo	22,6 (205)	31,4 (285)	28,6 (260)	12,9 (117)	4,6 (42)	2,46	1,111	6
7. Khó khăn trong cách tham gia phòng họp nhóm trong lớp học trực tuyến để giao tiếp, trao đổi học thuật với bạn cùng lớp	16,9 (154)	26,8 (244)	32,2 (293)	17,8 (162)	6,2 (56)	2,69	1,131	1
8. Khó khăn trong phản hồi thông tin trong học tập trực tuyến	19,4 (176)	29,4 (267)	32 (291)	15 (136)	4,3 (39)	2,55	1,092	3
9. Khó khăn trong giải quyết nhiệm vụ học tập	19,6 (178)	30,3 (275)	31,6 (287)	15,2 (138)	3,4 (31)	2,53	1,073	4
10. Khó khăn trong hoàn thành bài kiểm tra, thi trực tuyến	21,2 (193)	29,9 (272)	29,9 (272)	13,6 (124)	5,3 (48)	2,52	1,125	5
Tổng cộng						2,44	0,860	

Nhìn vào bảng 3 cho thấy, SV ít gặp khó khăn trong sử dụng thiết bị học tập trực tuyến (ĐTB=2,44). Trong đó SV gặp khó khăn ở mức cao trong số 10 khó khăn được liệt kê tại bảng 3 là: “Khó khăn trong giao tiếp, trao đổi học thuật với bạn cùng lớp” (ĐTB= 2,69), “khó khăn trong lưu lại nội dung thông tin học tập” (ĐTB=2,58), “khó khăn trong chuẩn bị không gian yên tĩnh để tham gia học tập” (ĐTB=2,55). SV gặp các khó khăn ở mức độ ít hơn là “khó khăn trong tắt mở âm thanh tương tác” (ĐTB=2,10), “tham dự lớp học đúng giờ” (ĐTB= 2,12), “đăng nhập địa chỉ lớp học” (ĐTB=2,30). Tỷ lệ SV “hoàn toàn không gặp khó khăn” hoặc “ít gặp khó khăn” trong sử dụng thiết bị học tập trực tuyến chiếm tỉ lệ từ 16,9% đến 37,3%. Số SV gặp khó khăn trong sử dụng thiết bị học tập trực tuyến ở “mức trung bình” chiếm tỉ lệ là 23,1% đến 34,4%. Ngoài ra, phỏng vấn sâu với câu hỏi mở về những khó khăn mà SV gặp phải trong học tập trực tuyến như: khó tiếp thu tri thức cụ thể SV vị trí 24 chia sẻ “Học tập trực tuyến dễ gây buồn ngủ, mỏi mắt,...”. SV ở phiếu hỏi 146 chia sẻ “Không gian khá ồn và thiếu ánh sáng. Em không nghe được mỗi khi có mưa lớn, âm thanh từ giảng viên không tốt khiến sinh viên khó tiếp nhận được bài giảng”. SV gặp khó khăn trong xử lý lỗi kết nối Internet. SV ở phiếu hỏi số 118 chia sẻ: “Về đường truyền mạng trong quá trình học còn chưa ổn định. Em sử dụng điện thoại khá mỏi mắt (vì em chưa có laptop). Đôi lúc link học không vào được hoặc bị out khỏi lớp học vì mất wifi. Một số giảng viên yêu cầu quyền phê duyệt khi tham gia lớp học, điều đó làm cho 1 số bạn gặp sự cố về

đường truyền mạng hay 1 số vấn đề khác và bị thoát ra khỏi lớp học online và khó để vào lại lớp học khi giảng viên không phê duyệt”. SV vị trí 128 tâm sự: “Vấn đề đường truyền mạng là vấn đề nan giải duy nhất. Hoặc cúp điện cũng là một bất lợi khi học online. Đường truyền có vấn đề, không nghe được thầy cô đang giảng gì sẽ làm mất những phần quan trọng thầy cô đang giảng dạy. Ngoài ra SV còn lo ngại vấn đề về thị lực trong học tập trực tuyến. SV phiếu hỏi vị trí 211 chia sẻ “sau kì học online tiếp xúc với màn hình máy tính và điện thoại nhiều làm mắt em bị cận luôn. Giờ giấc giữa các môn nên cách nhau ít nhất 15 phút để tránh bị ảnh hưởng mắt và não”.

Đối chiếu tiêu chí 3 ở bảng 3 và tiêu chí 7 ở bảng 2 cho thấy mặc dù kết quả nghiên cứu cho thấy “SV khó khăn trong lưu lại nội dung học tập” chiếm vị trí thứ hai nhưng SV “hoàn toàn gặp khó khăn” chiếm tỉ lệ chỉ 4,2% và điểm trung bình mức độ SV gặp khó khăn là 2,58 vì vậy tiêu chí 7 ở bảng 2 về thuận lợi trong học tập trực tuyến “SV dễ ghi âm, ghi hình nội dung học tập” chiếm tỉ lệ là 39,2% với ĐTB=4,09 là hợp lý. Điều này có thể giải thích đa số SV gặp thuận lợi trong lưu lại nội dung học tập trực tuyến. Bên cạnh đó vẫn có SV gặp những khó khăn trong việc lưu những nội dung học tập bằng hình thức trực tuyến nhưng tựu trung lại thì đa số SV “hoàn toàn đồng ý” rằng học tập trực tuyến giúp SV ghi âm, ghi hình nội dung học tập dễ hơn.

Đối chiếu những khó khăn trong học tập trực tuyến của SV Trường Đại học Cần Thơ có những khó khăn tương đồng với các nghiên cứu của Đặng Thị Thúy Hiền và các cộng sự (2020) [4] (rào cản kinh tế, rào cản về sự tương tác, rào cản tâm lý và rào cản về môi trường); Phan Thị Ngọc Thanh và các cộng sự (2020) (vấn đề Internet; sử dụng hệ thống tiếp nhận thông tin; không nắm được nội dung môn học; khó khăn liên quan đến phương pháp giảng dạy, đánh giá; khó khăn liên quan đến nội dung bài giảng; khó khăn liên quan đến giải quyết bài tập, deadline, lượng kiến thức quá nhiều, âm thanh kết nối không tốt; khó khăn trong chuẩn bị thiết bị kết nối [6].

Tóm lại, hình thức học tập trực tuyến là một trong những hình thức được tiến hành song song với hình thức học tập trực tiếp ở Việt Nam vì vậy ngoài tính ưu việt của hình thức học tập này thì SV Trường Đại học Cần Thơ gặp những khó khăn cần được hỗ trợ để kết quả học tập đạt hiệu quả. Kết quả nghiên cứu là một trong những cơ sở để nghiên cứu này đề xuất các biện pháp hỗ trợ cho sinh viên trong quá trình tổ chức dạy học trực tuyến tại Trường Đại học Cần Thơ.

4. Kết luận

Học tập trực tuyến là một trong những hình thức học phổ biến hiện nay. Mỗi hình thức học tập đều có những ưu điểm và hạn chế. Kết quả nghiên cứu cho thấy đa số SV khá đồng ý những thuận lợi của hình thức học tập trực tuyến (ĐTB=3,71; ĐLC=0,771) như: “dễ ghi âm, ghi hình nội dung học tập”, “tiết kiệm chi phí học tập” và “người học dễ dàng trình bày báo cáo, chia sẻ màn hình”. Tuy nhiên với hình thức học tập này SV cũng gặp những khó khăn trong tổ chức hoạt động học tập trực tuyến và khó khăn trong sử dụng phần mềm, thiết bị học tập trực tuyến (ĐTB=2,72; ĐLC=0,697) như: SV gặp “khó khăn trong tập trung cao độ để nghe giảng liên tục bằng hình thức học trực tuyến” (ĐTB=3,29; ĐLC=1,069); “khó khăn trong tìm kiếm sự trợ giúp khi gặp vấn đề về kỹ thuật công nghệ” (ĐTB=3,09; ĐLC=1,033) và “khó khăn trong việc tiếp nhận thông tin hướng dẫn của giảng viên trong lựa chọn tài liệu học tập” (ĐTB=3,06; ĐLC=0,987); khó khăn trong “tắt mở âm thanh tương tác” (ĐTB=2,69; ĐLC=1,131), “khó khăn trong lưu lại nội dung học tập” (ĐTB=2,58; ĐLC=1,083), “khó khăn trong chuẩn bị không gian yên tĩnh tham gia gia lớp học” (ĐTB=2,55; ĐLC=1,153) và “khó khăn trong phản hồi thông tin trong học tập trực tuyến” (ĐTB=2,55; ĐLC=1,092). Từ kết quả nghiên cứu cho thấy, Trường Đại học Cần Thơ cần có những biện pháp trợ giúp SV trong học tập trực tuyến nhằm giúp SV tổ chức hoạt động học tập hiệu quả bằng hình thức này.

Lời cảm ơn

Nghiên cứu này được sự tài trợ từ kinh phí nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Cần Thơ qua đề tài “**Khó khăn trong học tập trực tuyến của sinh viên Trường Đại học Cần Thơ**”, Mã số: T2022-109.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] Jessie S. Barrot, Ian I. Llenares, Leo S. del Rosario¹ (2021). "Students' online learning challenges during the pandemic and how they cope with them: The case of the Philippines". *Education and Information Technologies*, (2021) 26:7321–7338. doi.org/10.1007/s10639-021-10589-x
- [2] P. Westwood, "Learning and Learning Difficulties," *Learn. Learn. Difficulties*, 2013, doi: 10.4324/9780203823767.
- [3] P. Shea, "Online learning," *Int. Encycl. Educ. Fourth Ed.*, no. 5, pp. 423-430, 2022, doi: 10.1016/B978-0-12-818630-5.14041-2.
- [4] T. T. H. Dang, T. H. Tuan, T. N. Q. Nguyen, L. D. H. Doan, T. P. T. Nguyen, and H. T. Tran, "The barrier factors affecting online learning of students in the school of hospitality and tourism – Hue University," *Hue University - J. Sci. Econ. Dev.*, vol. 129, no. 5C, 2020, doi: 10.26459/hueunijed.v129i5c.5988.
- [5] T. X. Dinh, "Online teaching for students: A case study of students at Hanoi University of Science and Technology," *Vietnam Journal of Education*, vol. 489, pp. 48-54, 2020.
- [6] T. N. T. Phan *et al.*, "Feeling of regular when experiencing completely online learning during the Covid-19 epidemic prevention period," *Ho Chi Minh city Open University Journal of Science*, vol. 15, no. 4, pp. 18-28, 2020.
- [7] N. S. Nguyen and X. A. Nguyen, "Overview of studies on difficulties and challenges of online testing during the COVID-19 pandemic," *Vietnam Journal of Education*, vol. 22, pp. 47-52, 2022.
- [8] T. P. Tran and D. H. Nguyen, "Online examination during the COVID-19 pandemic: Learners' perspectives," *TNU Journal of Science and Technology*, vol. 227, no. 06, pp. 12-19, 2022.